

Bản án số: 72/2023/HS-ST
Ngày 29 - 6 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn An

Bà Đỗ Thị Kim Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hương – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thơm – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 53/2023/TLST-HS ngày 28 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2023/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 6 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. **Đào Văn D**, sinh năm 1989 tại huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; Nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, thị trấn T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào Văn H (đã chết) và bà Tô Thị Thắng; chưa có vợ con; tiền án: Có 02 tiền án, cụ thể: Tại Bản án số 66/HSST ngày 13/11/2009 của TAND huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt D 07 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, D chấp hành xong hình phạt tù ngày 18/6/2015; tại Bản án số 43/HSST ngày 13/9/2016 của TAND huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt D 08 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, D chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/9/2021; tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/11/2022 đến nay, “có mặt”.

2. **Đào Văn N**, sinh năm 1980 tại huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; Nơi cư trú: Tổ dân phố C1, thị trấn T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào Văn Đ1 và bà Nguyễn Y; có vợ là Vũ Thị H và 02 con; tiền án: Có 02 tiền án, cụ thể: Tại Bản án số 24/HSST ngày 06/5/2011, bị TAND huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt Nam 01 năm 03 tháng tù về tội “Đánh bạc”. Nam chấp hành xong hình phạt tù ngày 23/02/2012, chấp hành xong án phí

và tiền phạt. Tại Bản án số 94/HSST ngày 23/12/2014, Nam bị TAND huyện V xử phạt 08 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Nam chấp hành xong hình phạt tù ngày 02/07/2021; tiền sự: Không; Nhân thân: Tại Bản án số 37/HSST ngày 07/12/1999, TAND huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt Nam cảnh cáo về tội “Đánh bạc”; Tại Bản án số 08/HSST ngày 10/8/2005, bị TAND huyện V xử phạt Nam 15 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 30 tháng về tội “Đánh bạc”. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/02/2023 đến nay, “có mặt”.

3. **Nguyễn Tiến D1**, sinh năm 1994 tại huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi thường trú: Thôn P3 A, xã T7, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T8 (đã chết) và Vũ Thị C5; có vợ là Nông Thị M7 và 02 con; tiền án: Có 01 tiền án, cụ thể: Tại Bản án số 110/HSST ngày 15/12/2021 của TAND huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc xử 10 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 08 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của Cơ quan tổ chức”; tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/11/2022 đến ngày 18/11/2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại, “có mặt”.

4. **Trần Thị L**, sinh năm 1967 tại huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Tổ dân phố M3, thị trấn A5, huyện X6, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Ngọc T6 và bà Trần Thị T7 (đã chết); có chồng là Đỗ Viết V5 và 03 con; tiền án, tiền sự: Không; tiền sử: Năm 2004, Công an huyện X6 phạt 3.000.000 đồng về hành vi đánh bạc (đã chấp hành xong); năm 2012 TAND thành phố Hà Nội xử phạt L 12 tháng tù về tội “Đánh bạc” và phạt 5.000.000 đồng, ngày 23/01/2014 L chấp hành xong hình phạt tù và đã được xóa án tích. Tại Bản án số 81/HSST ngày 29/12/2017, TAND tỉnh Vĩnh Phúc xử 02 năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc” và “Đánh bạc”, ngày 26/4/2019 L chấp hành xong hình phạt tù. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/11/2022 đến ngày 18/11/2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại, “có mặt”.

5. **Phùng Văn T1**, sinh năm 1987 tại huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; Nơi cư trú: Thôn B5, xã L3, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phùng Văn Q4 và bà Cao Thị S3; có vợ là Cao Thị N4 và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 12/12/2006, bị Công an huyện V xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc; tại Bản án số 62/HSST ngày 29/10/2009 bị TAND huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 06 tháng 20 ngày về tội “Đánh bạc”; tại Bản án số 44/HSST ngày 20/6/2014 bị TAND huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 01 năm tù về tội “Đánh bạc”, ngày 03/3/2015 T1 chấp hành xong hình phạt tù; tại Bản án số 81/HSST ngày 17/11/2015, bị TAND huyện V, tỉnh Vĩnh

Phúc xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “Đánh bạc”, ngày 30/8/2016 T1 chấp hành xong hình phạt tù. Bị cáo hiện tại ngoại, “có mặt”.

6. **Vũ Văn Q**, sinh năm 1988 tại tỉnh Hưng Yên; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã T2, huyện K, tỉnh Y4; nơi cư trú: Số nhà 52, phố Trần Quốc Tuấn, phường N, thành phố Y, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ V4 và bà Vũ Đ3; có vợ là Phạm Thị U và 02 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện tại ngoại, “có mặt”.

7. **Phan Văn L1**, sinh năm 1974 tại huyện D1, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn E, xã V1, huyện D1, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan O (đã chết) và bà Vũ A1; có vợ là Trần Thị U và 01 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện tại ngoại, “có mặt”.

8. **Vũ Thị C**, sinh năm 1964 tại huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Tổ dân phố C1, thị trấn T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ G và bà Nguyễn I (đã chết); có chồng là Lê Văn B và 03 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện tại ngoại, “có mặt”.

9. **Ngô Thị H**, sinh năm 1997 tại huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Đội 3, thôn B3, xã Đ, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô X và bà Đào Thị S; có chồng là Đỗ H1 và 03 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/11/2022 đến ngày 18/11/2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại, “có mặt”.

10. **Lê Thị M**, sinh năm 1979 tại huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn Y1, xã V2, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê B1 và bà Vũ M; có chồng là Trần Văn Đ1 và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/11/2022 đến ngày 18/11/2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại, “có mặt”.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Chị Thân Thị T2, sinh năm 1971; địa chỉ: TDP Đ, thị trấn T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 4 năm 2022, Đào Văn D thuê căn nhà 3 tầng tại TDP Đ, thị trấn T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc của chị Thân Thị T2 (chị Tám là thím của D) với giá 2.000.000 đồng/tháng. Sau khi thuê nhà của chị Tám thì Đào Văn D chuyển về sống một mình tại ngôi nhà này.

Khoảng hồi 15 giờ ngày 09/11/2022, tại nhà ở của Đào Văn D thuê lại của chị Thân Thị T2 như đã nêu trên có các đối tượng lần lượt đến chơi nhà D gồm: Nguyễn Tiến D1, Lê Thị M, Ngô Thị H, Trần Thị L, Phan Văn L1, Vũ Văn Q, Phùng Văn T1, Đào Văn N, Vũ Thị C, Bùi Văn D2, Đào Văn T3, Nguyễn Thị Hằng, Vũ Văn M1, Trần Thị D3. Sau đó, Đào Văn D cùng các đối tượng trên rủ nhau đánh bạc ăn tiền bằng hình thức “xóc đĩa” tại nhà D thì có Nguyễn Tiến D1, Đào Văn N, Nguyễn Thị M2, Trần Thị L, Ngô Thị H, Phan Văn L1, Vũ Văn Q, Phùng Văn T1, Vũ Thị C đồng ý tham gia đánh bạc. Sau đó, Đào Văn D ra khu bếp lấy bát đĩa để làm dụng cụ đánh bạc, N cắt 04 quân vị từ thanh tre rồi dùng lửa đốt một mặt chuyển thành màu đen để sử dụng làm quân xóc. Chuẩn bị xong các dụng cụ để đánh bạc thì Đào Văn N nhận làm người xóc cái rồi cùng với Đào Văn D, Nguyễn Tiến D1, Nguyễn Thị M2, Trần Thị L, Ngô Thị H, Phan Văn L1, Vũ Văn Q, Phùng Văn T1, Vũ Thị C ngồi xuống thăm ni trái ở nền phòng khách tầng 1 để đánh bạc bằng hình thức “xóc đĩa”. D2, M1, T3, Nguyễn Thị H ngồi ngoài xem không tham gia đánh bạc. Về cách chơi, các đối tượng thỏa thuận như sau: Khi đánh xóc đĩa người cầm cái xóc đĩa sử dụng bát, đĩa và 04 quân vị được cắt từ thanh tre và dùng lửa đốt chuyển thành màu đen mặt còn lại màu xám để xác định chẵn hoặc lẻ. Việc xác định chẵn lẻ dựa vào màu sắc quân vị khi mở bát ra, nếu khi mở bát 2 mặt xám, 2 mặt đen hoặc 4 mặt của quân vị cùng một màu thì quy định là chẵn, nếu 3 mặt đen, 1 mặt xám và ngược lại thì quy định là lẻ. Sau khi người cầm cái xóc đĩa xong thì các con bạc có quyền được đặt cửa chẵn hoặc cửa lẻ với mức đặt thấp nhất là 100.000 đồng, cao nhất không hạn chế tùy vào những người chơi. Sau khi những người chơi chọn cửa đặt tiền thì người cầm cái cân số tiền đặt cược ở hai cửa chẵn, lẻ; cân cửa xong người cầm cái sẽ mở bát nếu mở bát mà ra cửa lẻ thì người cầm cái phải trả tiền cho những người đặt cửa lẻ bằng với số tiền mà trước đó họ đặt cược và ăn tiền của những người đặt cửa chẵn và ngược lại. Người cầm cái được ăn hoặc trả số tiền chênh lệch giữa 2 cửa chẵn lẻ trong mỗi ván bạc.

Trước khi các đối tượng đánh bạc thì Đào Văn D yêu cầu những ai tham gia đánh bạc phải nộp tiền “hò” cho D nên trong quá trình đánh bạc đã có 07 đối tượng tham gia đánh bạc nộp tiền “hò” cho D gồm: Lương nộp 500.000 đồng; Tiến D1, Q, N, Lua, T1 mỗi người nộp 200.000 đồng, M2 nộp 100.000 đồng. Khi Đào Văn D cùng các đối tượng đánh bạc thì không thuê, nhờ người canh gác, cảnh giới mà D vừa đánh bạc vừa sử dụng điện thoại theo dõi camera lắp đặt bên ngoài để canh gác, cảnh giới. Quá trình đánh bạc Vũ Thị C thua hết tiền nên ra về trước, các đối tượng còn lại tiếp tục đánh bạc đến 17 giờ 30 phút cùng ngày thì bị Cơ quan điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc kiểm tra phát hiện, bắt quả tang, trong đó Đào Văn D, Nguyễn Tiến D1, Lua, Mơ, Ngô Thị H bị bắt giữ, còn T1, N, L1, Q, D4 chạy lên tầng thượng nhảy ra ngoài chạy thoát. Tang vật Cơ quan Công an đã thu giữ gồm: Thu trên chiếu bạc số tiền 26.500.000đồng; 01 bát sứ màu trắng; 01 đĩa sứ màu trắng; 04 quân vị hình chữ nhật làm bằng tre có một mặt

đen, một mặt xám; 01 vỏ chăn hình chữ nhật có hoa văn trên bề mặt bị rách một số chỗ, 04 quần bài tú lơ khơ; 02 mắt camera; 02 chiếc điện thoại di động.

Trong các ngày 13,14/11/2022, Phan Văn L1, Vũ Văn Q, Phùng Văn T1, Vũ Thị C đã lần lượt đến Cơ quan điều tra đầu thú và khai nhận về hành vi đánh bạc của mình cùng đồng phạm.

Tại Cơ quan điều tra các đối tượng trên đều thừa nhận việc trực tiếp tham gia đánh bạc của bản thân và đồng phạm, đồng thời khai nhận số tiền mang theo để sử dụng đánh bạc như sau: Đào Văn D có khoảng 2.400.000 đồng; Trần Thị L có khoảng 2.300.000 đồng; Lê Thị M có khoảng 1.000.000 đồng; Nguyễn Tiến D1 có khoảng 2.000.000 đồng; Ngô Thị H có khoảng 1.200.000 đồng; Phan Văn L1 có khoảng 4.000.000 đồng; Vũ Văn Q có khoảng 4.000.000 đồng; Vũ Thị C có khoảng 2.000.000 đồng; Phùng Văn T1 có khoảng 2.000.000 đồng; Đào Văn N khai nhận có khoảng 3.000.000 đồng. Như vậy tổng số tiền các đối tượng trên khai nhận sử dụng vào mục đích đánh bạc là khoảng 23.900.000 đồng, tuy nhiên các đối tượng đều khẳng định số tiền 26.500.000 đồng thu giữ tại chiếu bạc đều là tiền của các đối tượng sử dụng vào mục đích đánh bạc đã bỏ lại tại chiếu bạc khi bị bắt quả tang.

Tại bản Cáo trạng số 56/VKS – P2 ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố bị cáo Đào Văn D về các tội “Đánh bạc” và “Gá bạc”, quy định tại điểm d khoản 2 Điều 321 và điểm d khoản 2 Điều 322 Bộ luật Hình sự năm 2015; bị cáo Đào Văn N về tội “Đánh bạc” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự; Nguyễn Tiến D1, Trần Thị L, Phùng Văn T1, Vũ Văn Q, Phan Văn L1, Vũ Thị C, Ngô Thị H, Lê Thị M về tội “Đánh bạc”, quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên trình bày lời luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố như cáo trạng đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Đào Văn D phạm tội Đánh bạc và Gá bạc; bị cáo Đào Văn N, Nguyễn Tiến D1, Trần Thị L, Phùng Văn T1, Vũ Văn Q, Phan Văn L1, Vũ Thị C, Ngô Thị H, Lê Thị M phạm tội Đánh bạc.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 321; điểm d khoản 2 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 53; khoản 1 Điều 55 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đào Văn D 05 năm đến 05 năm 06 tháng về tội Gá bạc; 03 năm đến 03 năm 06 tháng về tội Đánh bạc. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 53 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đào Văn N 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù. Hình phạt bổ sung từ 20 triệu đến 25 triệu.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; khoản 5 Điều 65; Điều 56 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến D1 01 năm 10 tháng tù đến 02 năm tù về tội Đánh bạc và tổng hợp với hình phạt của Bản án số 110/HSST ngày 15/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Hình phạt bổ sung từ 10 triệu đến 15 triệu.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Thị L 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù. Hình phạt bổ sung từ 10 triệu đến 15 triệu.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phùng Văn T1 01 năm tù đến 01 năm 03 tháng tù. Hình phạt bổ sung từ 10 triệu đến 15 triệu.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s,i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Vũ Văn Q, Phan Văn L1, Vũ Thị C, Ngô Thị H, Lê Thị M 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 06 tháng đến 02 năm, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Hình phạt bổ sung đối với mỗi bị cáo từ 10 triệu đến 12 triệu.

Giao các bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 26.500.000đồng (Hai mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng) do các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội; tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS max màu vàng của Đào Văn D do bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

Tịch thu, tiêu hủy 01 bát sứ, 01 đĩa sứ màu trắng, 04 quân vị một mặt đen một mặt xám, 01 vỏ chăn có hoa văn đã cũ, 04 quân bài tú lơ khơ là công cụ phương tiện dùng vào việc phạm tội.

Trả lại Đào Văn N 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen và 01 căn cước công dân mang tên Đào Văn N nhưng tiếp tục tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

Trả lại cho Thân Thị T2 02 mắt camera nhãn hiệu IMOU.

Về án phí: Buộc các bị cáo Đào Văn D, Đào Văn N, Nguyễn Tiến D1, Trần Thị L, Phùng Văn T1, Vũ Văn Q, Phan Văn L1, Vũ Thị C, Ngô Thị H và Lê Thị M phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó các quyết định, hành vi của người tiến hành tố tụng trong vụ án là hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo Đào Văn D, Đào Văn N, Nguyễn Tiến D1, Trần Thị L, Phùng Văn T1, Vũ Văn Q, Phan Văn L1, Vũ Thị C, Ngô Thị H và Lê Thị M đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc. Các bị cáo đều khai nhận: Hồi 17 giờ 45 phút ngày 09/11/2022, tại nhà ở của Đào Văn D tại TDP Đ, thị trấn T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, các bị cáo Trần Thị L, Lê Thị M, Nguyễn Tiến D1, Ngô Thị H, Phan Văn L1, Vũ Văn Q, Phùng Văn T1, Vũ Thị C, Đào Văn N và Đào Văn D đánh bạc bằng hình thức “xóc đĩa” ăn tiền. Trước khi đánh bạc, 07 bị cáo đã nộp tiền phé (tiền hồ) cho D với tổng số tiền là 1.600.000 đồng. D vừa tham gia đánh bạc vừa cảnh giới qua các mắt camera. Các bị cáo đánh bạc đến 17 giờ 30 phút cùng ngày thì bị Cơ quan Công an bắt quả tang. Tang vật Cơ quan Công an đã thu giữ gồm số tiền 26.500.000 đồng (trong đó có 1.600.000 đồng là Đào Văn D thu tiền hồ của các đối tượng, sau đó D sử dụng số tiền này vào việc đánh bạc) và các công cụ, phương tiện liên quan.

Căn cứ vào lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa thì số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc ngày 09/11/2022 là 23.900.000 đồng. Tuy nhiên khi bắt quả tang cơ quan điều tra thu giữ được số tiền thực tế các bị cáo khai nhận sử dụng vào việc đánh bạc có trên chiếu bạc là 26.500.000 đồng. Vì vậy, có đủ cơ sở để khẳng định số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc ngày 09/11/2022 là 26.500.000 đồng.

[3] Xét lời nhận tội của các bị cáo là phù hợp với nhau, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ như lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, tang vật thu giữ cùng các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở để kết luận:

Hành vi của Đào Văn D thu tiền hồ của các đối tượng đến đánh bạc với số tiền 1.600.000 đồng, canh gác, cảnh giới thông qua điện thoại theo dõi camera lắp đặt bên ngoài và đồng thời trực tiếp tham gia đánh bạc với số tiền 2.400.000 đồng đã phạm vào tội “Gá bạc” và “Đánh bạc”. Trước lần phạm tội này bị cáo D đã có 02 tiền án đều về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 thuộc loại “tội phạm rất nghiêm trọng” chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên phải chịu trách nhiệm hình sự với tình tiết định khung là “tái phạm nguy hiểm” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự 2015 có khung hình phạt tù từ 03 năm đến 07

năm và điểm d khoản 2 Điều 322 Bộ luật Hình sự 2015 có khung hình phạt tù từ 05 năm đến 10 năm.

Hành vi “xóc cái” và “cân cửa” cho các đối tượng đánh bạc của Đào Văn N, được ăn hoặc trả số tiền chênh lệch giữa 2 cửa chắn, lẻ trong mỗi ván bạc đã phạm tội “Đánh bạc”. Trước lần phạm tội này bị cáo N đã có 02 tiền án về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999 và “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 thuộc loại “tội phạm rất nghiêm trọng” chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên phải chịu trách nhiệm hình sự với tình tiết định khung là “tái phạm nguy hiểm” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự 2015 có khung hình phạt tù từ 03 năm đến 07 năm.

Hành vi sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức đánh “xóc đĩa” của các bị cáo Trần Thị L, Lê Thị M, Nguyễn Tiến D1, Ngô Thị H, Phan Văn L1, Vũ Văn Q, Phùng Văn T1, Vũ Thị C đã phạm tội “Đánh bạc” tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 có hình phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

[4] Xét tính chất vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Các bị cáo đều là người có sức khỏe, có hiểu biết về pháp luật nhưng không chịu tu dưỡng, rèn luyện bản thân, muốn kiếm tiền bằng con đường bất chính nên bị cáo D đã cho các bị cáo khác đến nhà mình đánh bạc ăn tiền, trực tiếp tham gia đánh bạc và thu tiền hồ của các con bạc. Hành vi của các bị cáo đã gây mất trị an tại địa phương, xâm phạm đến trật tự nếp sống văn minh của xã hội. Từ tội đánh bạc có thể nảy sinh ra nhiều tội phạm khác như trộm cắp tài sản, cưỡng đoạt tài sản, gây rối trật tự công cộng... Vì vậy, cần phải xử lý các bị cáo trước pháp luật mới có tác dụng răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, thấy rằng:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Nguyễn Tiến D1 phạm tội trong thời gian chấp hành án treo, lần phạm tội này của bị cáo là tái phạm nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo khác không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo đều được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là thành khẩn khai báo. Các bị cáo Vũ Văn Q, Phan Văn L1, Vũ Thị C, Ngô Thị H, Lê Thị M được hưởng thêm 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s,i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là ăn năn hối cải và phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Các bị cáo Vũ Văn Q, Phan Văn L1, Vũ Văn N, Phùng Văn T1, Vũ Thị C được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là đầu thú, riêng bị cáo

Phan Văn L1 được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là có mẹ đẻ bà Vũ A1 là người có công với cách mạng được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhì.

[5] Xét nhân thân, vị trí, vai trò của các bị cáo trong vụ án thấy rằng:

Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội thuộc loại đồng phạm giản đơn không có tổ chức.

Bị cáo Đào Văn D và Đào Văn N đều có nhân thân xấu. D và N đã bị kết án nhiều lần và được cải tạo, giáo dục trong môi trường Trại giam nhưng không lấy đó làm bài học để rèn luyện, tu dưỡng trở thành người lương thiện mà sau khi chấp hành xong hình phạt tù, trở về địa phương trong thời gian ngắn lại tiếp tục phạm tội, các bị cáo đều có 02 bản án chưa được xóa án tích.

Đào Văn D là người trực tiếp sử dụng nhà thuộc quyền quản lý của mình cho các đối tượng đánh bạc nhằm mục đích thu tiền hồ, chuẩn bị công cụ phương tiện đánh bạc, canh giới, canh gác thông qua điện thoại cho các đối tượng đánh bạc và trực tiếp tham gia đánh bạc. Do các đối tượng đánh bạc tổng một lần có số tiền 26.500.000 đồng và trực tiếp tham gia đánh bạc nên bị cáo đã phạm vào hai tội Gá bạc và Đánh bạc.

Đào Văn N tham gia đánh bạc với vai trò chính là sóc cái và cân cửa chắn, lẻ để hưởng chênh lệnh (chưa được hưởng số tiền chênh) nên bị cáo đã phạm vào tội Đánh bạc.

Trần Thị L, Phùng Văn T1 đều có nhân thân xấu, đều đã từng bị kết án nhưng không lấy đó làm bài học trở thành người lương thiện mà lại tiếp tục phạm tội.

Bị cáo Nguyễn Tiến D1 có nhân thân xấu, đang phải chấp hành hình phạt 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 08 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của Cơ quan tổ chức” theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự tại Bản án số 110/HSST ngày 15/12/2021 của TAND huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Lần phạm tội này của bị cáo D thuộc trường hợp phạm tội mới trong thời gian thử thách, vì vậy khi quyết định hình phạt cần buộc bị cáo D phải chấp hành hình phạt 10 tháng tù tại Bản án số 110/HSST ngày 15/12/2021 của TAND huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc và tổng hợp với hình phạt của bản án này.

Do đó, cần phải xử lý nghiêm, cách ly các bị cáo khỏi cuộc sống cộng đồng ở ngoài xã hội để chấp hành hình phạt tù tại trại giam như đề nghị của Viện kiểm sát mới có tác dụng răn đe, giáo dục chung.

Các bị cáo Vũ Văn Q, Phan Văn L1, Vũ Thị C, Ngô Thị H, Lê Thị M có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; đều có nơi cư trú ổn định, rõ ràng; được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ và không phải chịu tình tiết tăng nặng nào, đáng được

khoan hồng và có đủ điều kiện để áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, không cần thiết bắt các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại Trại giam mà cho các bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật như đề nghị của Viện kiểm sát cũng đủ để răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung cũng như tạo điều kiện cho các bị cáo có cơ hội được tự cải tạo, sửa chữa sai lầm để trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Quá trình điều tra và tại phiên tòa đã xác định Đào Văn D không có tài sản hay thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung. Đào Văn N, Nguyễn Tiến D1, Trần Thị L, Phùng Văn T1, Vũ Văn Q, Phan Văn L1, Vũ Thị C, Ngô Thị H và Lê Thị M đều có tài sản và thu nhập nên áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với họ để nộp ngân sách nhà nước như đề nghị của Viện kiểm sát.

[7] Về vật chứng của vụ án: Cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 26.500.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc; tịch thu, tiêu hủy các phương tiện dùng vào việc phạm tội; đối với điện thoại di động của Đào Văn D sử dụng để cảnh giới cho các đối tượng đánh bạc nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước; đối với điện thoại di động và căn cước công dân của Đào Văn N chỉ sử dụng để liên lạc cá nhân hàng ngày không sử dụng vào mục đích cầm cố để lấy tiền đánh bạc, nên cần trả lại, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án; Đối với 02 mắt camera xác định là của chị T1 nên cần trả lại cho chị T1.

[8] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Đào Văn D phạm tội “Đánh bạc” và “Gá bạc”

Tuyên bố các bị cáo Đào Văn N, Nguyễn Tiến D1, Trần Thị L, Phùng Văn T1, Vũ Văn Q, Phan Văn L1, Vũ Thị C, Ngô Thị H và Lê Thị M phạm tội “Đánh bạc”.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 321; điểm d khoản 2 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 53; khoản 1 Điều 55 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đào Văn D05 (Năm) tù về tội “Gá bạc”; 03 (Ba) năm tù về tội “Đánh bạc”. Tổng hợp hình phạt của cả 02 tội, buộc bị cáo D phải chấp hành 08 (Tám) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 09/11/2022.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 53 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đào Văn N 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 03/02/2023.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; khoản 5 Điều 65; Điều 56 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến D1 01 (Một) năm tù. Tổng hợp hình phạt 10 (Mười) tháng tù tại Bản án số 110/HSST ngày 15/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Buộc bị cáo Nguyễn Tiến D1 phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 01 (Một) năm 10 (Mười) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 09/11/2022 đến ngày 18/11/2022.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Thị L 01 (Một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 09/11/2022 đến ngày 18/11/2022.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phùng Văn T1 01 (Một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s,i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Vũ Văn Q 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Phan Văn L1 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Vũ Thị C 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Ngô Thị H 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Lê Thị M 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Vũ Văn Q cho Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Y, tỉnh Vĩnh Phúc; Phan Văn L1 cho Ủy ban nhân dân xã V1, huyện D1, tỉnh Vĩnh Phúc; Vũ Thị C cho Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; Ngô Thị H cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; Lê Thị M cho Ủy ban nhân dân xã V2, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Phạt bị cáo Đào Văn N số tiền 18.000.000đồng (Mười tám triệu đồng); phạt các bị cáo Nguyễn Tiến D1, Trần Thị L, Phùng Văn T1 mỗi bị cáo số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng); phạt các bị cáo Vũ Văn Q, Phan Văn L1, Vũ Thị C, Ngô Thị H, Lê Thị M mỗi bị cáo số tiền 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 26.500.000đồng (Hai mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng) do các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội; tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS max màu vàng của Đào Văn D do bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

Tịch thu, tiêu hủy 01 bát sứ, 01 đĩa sứ màu trắng, 04 quần vớ một mặt đen một mặt xám, 01 vỏ chăn có hoa văn đã cũ, 04 quần bài tú lơ khơ là công cụ phương tiện dùng vào việc phạm tội.

Trả lại Đào Văn N 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen và 01 căn cước công dân mang tên Đào Văn N nhưng tiếp tục tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

Trả lại cho Thân Thị T2 02 mắt camera nhãn hiệu IMOU.

(Các vật chứng và tài sản trên có đặc điểm thể hiện tại biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 28 tháng 4 năm 2023 giữa Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc và Công an tỉnh Vĩnh Phúc).

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Đào Văn D, Đào Văn N, Nguyễn Tiến D1, Trần Thị L, Phùng Văn T1, Vũ Văn Q, Phan Văn L1, Vũ Thị C, Ngô Thị H và Lê Thị M mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai ./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh phúc;
- Phòng Hồ sơ - CA tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, Phòng HC-TP, Tòa Hình sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hà

